

Thứ ba, ngày 14 tháng 7 năm 2020

Vietnam Daily Review

Nhịp tích lũy kéo dài

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 15/07/2020		•	
Tuần 13/7-17/7/2020		•	
Tháng 7/2020		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường mở cửa với sắc đỏ bao trùm các mã cổ phiếu. Nhưng đà giảm yếu dần theo thời gian và chỉ giảm 0.98 điểm vào cuối phiên chiều. Dòng tiền đầu tư tăng trở lại khi có 13/19 nhóm ngành tăng điểm trong phiên. Trong khi đó, khối ngoại tiếp tục bán ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Thanh khoản thị trường tiếp tục suy giảm nhẹ, độ rộng thị trường gần trở về trạng thái trung lập và biên độ thị trường thu hẹp cho thấy tâm lý giao dịch thận sẽ tiếp tục cùng nhịp vận động tích lũy của chỉ số. Nhà đầu tư nên duy trì tỷ trọng danh mục và theo dõi diễn biến thị trường cùng các thông tin vĩ mô trước khi đưa ra quyết định đầu tư trong giai đoạn tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 14/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest:

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.5%

Phân tích kỹ thuật: DPM_Tích lũy (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index -0.61 điểm, đóng cửa 868.11 điểm. HNX-Index +0.49 điểm, đóng cửa 116.14 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VHM(+1.34); GVR (+0.23); VNM(+0.20); HPG(+0.20); GEX(+0.16).
- Kéo chỉ số giảm: GAS (-1.47); SAB(-0.91); MSN(-0.20); TCB (-0.20); LGC(-0.20).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 3,198 tỷ đồng, giảm -8.3% so với phiên trước.
- Biên độ dao động là 7.83 điểm, không đổi so với phiên liền trước. Thị trường có 181 mã tăng, 83 mã tham chiếu và 178 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: -73.12 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm VRE (-21.5 tỷ), MBB(-15.6 tỷ) và MSN(-12.5 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -2.08 tỷ đồng.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nguyễn Tiến Đức

ducnt@bsc.com.vn

Nhóm Phân tích định lượng- i-Invest

Đỗ Nam Tùng

tungdn@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX 868.11

Giá trị: 3148.09 tỷ -0.61 (-0.07%)

Khối ngoại (ròng): -73.12 tỷ

HNX-INDEX 116.14

Giá trị: 623.32 tỷ 0.49 (0.42%)

Khối ngoại (ròng): -2.08 tỷ

UPCOM-INDEX 56.94

Giá trị: 0.25 tỷ -0.34 (-0.59%)

Khối ngoại (ròng): -21.36 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	39.5	-1.45%
Giá vàng	1,801	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,185	0.06%
Tỷ giá EUR/VND	26,340	0.19%
Tỷ giá JPY/VND	21,613	0.08%
LS liên NH 1 tháng	0.5%	32.35%
LS TPCP 5 năm	1.8%	-5.53%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
HPG	13.5	VRE	21.5
KDC	11.7	MBB	15.6
DHC	10.1	MSN	12.5
VCB	6.9	CTG	10.9
VIC	6.4	CII	9.2

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật Hiệu suất Danh mục i-Invest

BSC RESEARCH
Vietnam Daily Review
14/7/2020

* Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Bảo hiểm & Chứng khoán_1.5%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						Độ lệch chuẩn
	Ngày	Tuần	Tháng	Quý	Nửa năm	Năm	
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	17/25 danh mục Chủ đề có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
Bảo hiểm & Chứng khoán	1.5%	1.0%	7.5%	7.5%	7.5%	1.2%	22.3%
Stay-at-home	1.1%	-0.3%	7.4%	7.4%	7.4%	12.3%	17.9%
Nước & Năng lượng	1.1%	1.8%	7.6%	7.6%	7.6%	-3.7%	16.9%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	1.1%	1.4%	4.0%	4.0%	4.0%	8.6%	15.8%
Bất động sản Khu công nghiệp	1.1%	0.3%	8.0%	8.0%	8.0%	8.8%	26.2%
Xây dựng	1.0%	2.3%	10.6%	10.6%	10.6%	2.3%	19.8%
Corona Avengers	1.0%	0.6%	6.4%	6.4%	6.4%	1.4%	22.0%
Lãi suất giảm	0.9%	-0.8%	8.8%	8.8%	8.8%	5.5%	19.9%
Đầu tư công	0.5%	0.8%	6.3%	6.3%	6.3%	0.2%	20.3%
FTSE Việt Nam	0.5%	0.0%	3.6%	3.6%	3.6%	-7.6%	17.0%
Chiến tranh thương mại	0.3%	0.1%	5.0%	5.0%	5.0%	-7.7%	18.7%
Vật liệu Xây dựng	0.2%	0.2%	5.5%	5.5%	5.5%	3.4%	20.8%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.2%	-0.3%	4.7%	4.7%	4.7%	-8.4%	16.0%
Hàng tiêu dùng	0.2%	-1.5%	6.2%	6.2%	6.2%	2.3%	20.1%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	0.1%	0.3%	4.5%	4.5%	4.5%	-8.3%	18.2%
BDS & Khu công nghiệp	0.0%	-0.6%	3.7%	3.7%	3.7%	-6.1%	17.7%
Tăng trưởng - định giá hấp dẫn	0.0%	-0.1%	4.8%	4.8%	4.8%	-11.7%	21.6%
Ngân Hàng	-0.1%	-0.4%	6.1%	6.1%	6.1%	-3.1%	23.0%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	-0.1%	-0.4%	6.0%	6.0%	6.0%	-5.8%	21.4%
Top 10 cổ phiếu VN30	-0.1%	-0.4%	5.7%	5.7%	5.7%	-13.2%	16.9%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.1%	0.0%	5.2%	5.2%	5.2%	-10.2%	19.7%
Dầu khí	-0.1%	-0.6%	2.9%	2.9%	2.9%	-21.4%	25.2%
VN FinSelect	-0.2%	-0.6%	5.3%	5.3%	5.3%	-5.6%	19.8%
VN Diamond	-0.2%	-0.2%	5.1%	5.1%	5.1%	-12.6%	19.8%
Ngành Dược	-2.8%	-1.7%	1.0%	1.0%	1.0%	-7.5%	18.3%
Mục tiêu	8/9 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
L32	1.5%	2.3%	8.7%	8.7%	8.7%	-4.0%	21.3%
L11	0.6%	0.2%	4.0%	4.0%	4.0%	-6.6%	17.8%
S32	0.5%	-0.3%	5.1%	5.1%	5.1%	-14.3%	22.6%
S21	0.3%	0.1%	3.8%	3.8%	3.8%	-8.7%	20.1%
S11	0.2%	-0.7%	4.1%	4.1%	4.1%	2.0%	18.9%
M22	0.1%	0.2%	3.8%	3.8%	3.8%	-1.9%	19.0%
M31	0.1%	-0.2%	5.1%	5.1%	5.1%	-6.7%	21.5%
M12	-0.1%	-0.1%	3.7%	3.7%	3.7%	-6.5%	20.1%
L22	-0.1%	-0.3%	3.5%	3.5%	3.5%	-7.0%	
Khẩu vị Rủi ro	3/3 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày tốt hơn VNINDEX						
HIGH3	0.5%	0.4%	5.2%	5.2%	5.2%	0.2%	19.5%
LOW1	0.2%	0.4%	4.2%	4.2%	4.2%	-4.2%	17.3%
MID1	0.0%	-0.5%	6.2%	6.2%	6.2%	6.6%	17.6%
INDEX							
VNINDEX	-0.1%	-0.4%	5.2%	5.2%	5.2%	-9.7%	17.0%
VN30INDEX	-0.1%	-0.5%	4.5%	4.5%	4.5%	-8.4%	17.6%

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu thật theo đúng kỳ tái cân bằng của danh mục.

Tham chiếu chỉ số VNINDEX

Danh mục	Tổng số	Ngày		Tuần		Tháng	
		Thắng	Thua	Thắng	Thua	Thắng	Thua
Chủ đề	25	17	8	16	9	15	10
Mục tiêu	9	8	1	8	1	1	8
Rủi ro	3	3	0	2	1	1	2

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:
Vũ Quốc Khánh

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>
khanhvq@bsc.com.vn

Phân tích kỹ thuật

DPM_Tích lũy

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích lũy.
- Chỉ báo xu hướng MACD: Xuất hiện Golden Cross.
- Chỉ báo RSI: Tăng dần trên giá trị 50 và chưa đi vào vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 ở trên EMA26.

Nhận định: DPM đang vận động đi ngang trong khu vực 13.5-15.5 sau khi có sự hồi phục trong tháng 4. Thanh khoản cổ phiếu trong những phiên gần đây đang có chiều hướng giảm dần. Các chỉ báo kỹ thuật hiện đa số đang nghiêng về trạng thái tích cực. Hôm nay, chỉ báo MACD đã xuất hiện Golden Cross, báo hiệu cổ phiếu có thể thiết lập xu hướng tăng trong ngắn hạn. Chỉ báo động lượng RSI đang tăng dần và còn cách khá xa vùng quá mua cho thấy áp lực bán là chưa đáng kể. Ngưỡng hỗ trợ gần nhất của DPM nằm tại mốc 14.5. Mục tiêu chốt lãi của cổ phiếu nằm tại xung quanh giá 16, cắt lỗ nếu ngưỡng 14 bị xuyên thủng.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

Thông tin chi tiết mời truy cập: [Link](#)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PLX_ Tín hiệu tích cực [Link](#)

PC1_ Tăng giá [Link](#)

CTI_ Xu hướng tăng [Link](#)

VNM_ Hưng phấn [Link](#)

GVR_ Tín hiệu tích cực [Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 14/7

*Mặt hàng	ĐVT	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	39.26	-2.09%	-3.30%	7.40%	-31.05%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	41.97	-1.76%	-2.60%	7.70%	-31.33%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	USDcent/gallon	123.66	-2.89%	-3.00%	8.90%	-31.36%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1798.52	-0.24%	0.20%	3.90%	26.75%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	19.04	-0.18%	4.20%	8.90%	16.11%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	876.00	0.09%	-2.90%	-0.10%	-8.34%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	524.75	0.00%	6.00%	3.80%	-3.94%		AFX
Sữa	USD/cwt	24.34	0.58%	4.70%	25.70%	42.34%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	145.63	-0.47%	-0.50%	n/a	n/a	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.58	-1.53%	-2.90%	-6.50%	-15.16%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	UScent/lb	98.65	1.28%	0.50%	0.10%	-17.89%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/ton	6571.00	2.48%	7.20%	14.00%	9.83%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	USD/ton	531.62	-0.40%	2.60%	4.20%	n/a	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1690.00	0.09%	3.40%	5.50%	-8.25%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	118.04	0.91%	8.40%	9.20%	n/a	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	54.50	0.93%	-1.60%	2.10%	-33.41%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent giảm 52 US cent (1,2%) xuống 42,72 USD/thùng, trong khi đó dầu Tây Texas Mỹ (WTI) giảm 45 US cent (1,1%) xuống 40,10 USD/thùng.
- Giá dầu giảm khoảng 1% trong phiên giao dịch vừa qua do số ca nhiễm virus corona trên toàn cầu có ngày tăng cao kỷ lục, làm dấy lên lo ngại về nguy cơ Mỹ có thể đóng cửa nền kinh tế trở lại. Căng thẳng Mỹ - Trung gia tăng càng góp phần gây áp lực lên giá mặt hàng này.
- Hôm nay và ngày mai (14 & 15/7), Ủy ban giám sát của Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC) sẽ họp và dự kiến sẽ đưa ra kiến nghị về những mức cắt giảm sản lượng trong thời gian tới. OPEC+ dự kiến sẽ đưa mức cắt giảm sản lượng xuống còn 7,7 triệu thùng/ngày, từ mức 9,7 triệu thùng đã áp dụng trong tháng 5 và 6, do nhu cầu dầu thế giới đã hồi phục.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0,6% lên 1.809,74 USD/ounce, vàng kỳ hạn tháng 8/2020 tăng 0,7% lên 1.814,1 USD/ounce.
- Chiến lược gia thị trường cấp cao của RJO Futures, ông Bob Haberkorn, nhận định: "Với tình trạng số ca nhiễm virus tăng, Mỹ có thể sẽ đóng cửa nền kinh tế trở lại", và "Vàng đang được hưởng lợi và sẽ tiếp tục như vậy nhờ những hành động mà Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) và các ngân hàng trung ương khác dự kiến sẽ đưa ra".

Giá sắt thép

- Trên sàn Đại Liên, quặng sắt kỳ hạn tháng 9/2020 có thời điểm tăng 5,8% lên 837 CNY (119,57 USD)/tấn, mức tăng trong 1 ngày nhiều nhất kể từ 8/6/2020. Hợp đồng này kết thúc ngày ở mức tăng 4,8% đạt 829 CNY/tấn, cao nhất kể từ 22/7/2019.
- Trên sàn Thượng Hải, thép cây kỳ hạn tháng 10 tăng 1% lên 3.739 CNY/tấn; thép cuộn cán nóng tăng 1% lên 3.734 CNY/tấn; và thép không gỉ tăng 1,6% lên 13.665 CNY/tấn.

Giá cao su

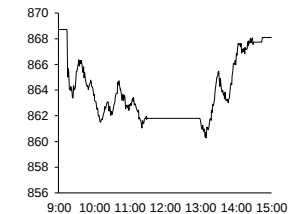
- Trên sàn TOCOM, cao su kỳ hạn tháng 12 tăng 1,7 JPY lên 156,8 JPY (1,46 USD)/kg do giá ở Thượng Hải tăng và bởi chỉ số chứng khoán Nikkei mạnh lên thúc đẩy nhu cầu đối với những tài sản rủi ro cao.

Giá nông sản

- Giá cà phê hồi phục trong phiên vừa qua, với arabica kỳ hạn tháng 9 tăng 1,25 US cent (1,3%) lên 98,65 US cent/lb và robusta giao cùng kỳ hạn tăng 27 USD (2,3%) lên 1.224 USD/tấn.
- Đường thô kỳ hạn tháng 10 giảm 0,18 US cent (1,5%) xuống 11,58 US cent/lb – thấp nhất 2 tuần. Đường trắng kỳ hạn tháng 8 cũng giảm 0,3 USD (0,1%) xuống 335,1 USD/tấn, sau khi có lúc chạm mức thấp nhất 2,5 tháng.

Hình 1

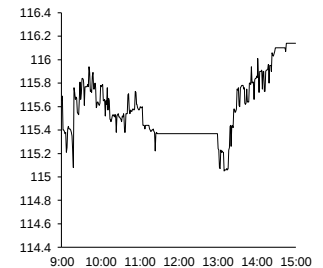
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

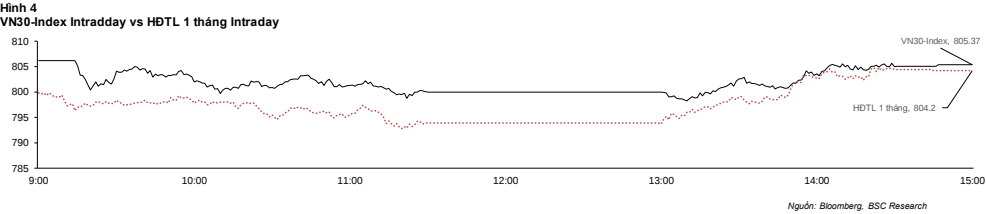
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	-1.53%
Thực phẩm và đồ uống	-0.66%
Công nghệ Thông tin	-0.14%
Ngân hàng	-0.09%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.06%
Dầu khí	-0.02%
Viễn thông	0.00%
Du lịch và Giải trí	0.05%
Bán lẻ	0.17%
Bảo hiểm	0.18%
Bất động sản	0.51%
Xây dựng và Vật liệu	0.51%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.57%
Tài nguyên Cơ bản	0.57%
Y tế	0.58%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.89%
Hóa chất	1.34%
Dịch vụ tài chính	1.45%
Truyền thông	3.34%

Nguồn: FinPro

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đạo hạn	Số ngày*
VN30F2007	804.20	0.15%	-1.17	-2.7%	192.988	7/16/2020	4
VN30F2008	799.30	0.29%	-6.07	65.6%	6.558	8/20/2020	39
VN30F2009	795.10	0.38%	-10.27	-33.3%	62	9/17/2020	67
VN30F2012	786.90	0.03%	-18.47	18.7%	108	12/17/2020	158

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index giảm nhẹ -0.80 điểm, xuống mức 805.37 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VHM, HPG, TCB, và EIB tác động mạnh đến vận động tích lũy của VN30. VN30 điều chỉnh giảm trong phiên sáng xuống dưới 800 điểm, trước khi phục hồi tích cực trong phiên chiều. Thanh khoản giảm, VN30 có thể vận động tích lũy trong vùng giá 795-815 điểm trong những phiên tiếp theo.
- Các HDTL đều tăng trái chiều cùng chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2007, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, VN30F2007 và VN30F2012 đang tăng, trong khi VN30F2008 và VN30F2009 đang giảm. Điều này báo hiệu điều chỉnh giảm ngắn hạn. Nhà đầu tư có thể cân nhắc những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 820 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đạo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CDPM2002	KIS	12/16/2020	155	1:1	76.530	88.0%	2.0 triệu	40.43%	1,700	2,480	6.44%	1,540	1.61
CHPG2009	HSC	10/29/2020	107	2:1	273.540	65.3%	5.0 triệu	36.55%	1,600	3,240	4.85%	3,006	1.08
CVHM2002	SSI	11/30/2020	139	1:1	12.060	-3.7%	1.5 triệu	37.44%	11,500	11,880	4.21%	9,879	1.20
CHPG2010	KIS	4/5/2021	265	4:1	97.210	245.0%	2.0 triệu	36.55%	1,800	1,350	3.85%	503	2.68
CHDB2003	KIS	12/16/2020	155	2:1	115.490	97.4%	2.0 triệu	40.13%	2,700	1,180	3.51%	606	1.95
CSTB2003	KIS	9/16/2020	64	1:1	192.310	-11.8%	3.0 triệu	41.77%	1,360	1,550	3.33%	1,080	1.43
CVHM2003	HSC	10/29/2020	107	10:1	390.360	260.9%	5.0 triệu	37.44%	1,000	1,560	3.31%	1,342	1.16
CVHM2001	KIS	12/16/2020	155	5:1	116.050	-8.8%	2.0 triệu	37.44%	3,100	1,550	2.65%	734	2.11
CMWG2006	VCSC	10/26/2020	104	5:1	241.700	4170.3%	1.5 triệu	39.80%	2,000	550	1.85%	196	2.81
CSTB2004	SSI	11/30/2020	139	1:1	199.830	81.8%	5.0 triệu	41.77%	1,400	1,720	1.78%	1,558	1.10
CVNM2004	SSI	11/30/2020	139	1:1	16.510	-70.1%	2.0 triệu	31.46%	17,500	14,120	0.86%	8,597	1.64
CTCB2004	MBS	8/18/2020	35	2:1	117.050	-37.9%	2.0 triệu	36.87%	1,050	1,780	0.56%	1,619	1.10
CSTB2002	KIS	12/16/2020	155	1:1	101.010	23.0%	3.0 triệu	41.77%	1,700	1,800	0.56%	1,206	1.49
CFPT2003	SSI	11/9/2020	118	1:1	13.940	-39.2%	2.0 triệu	32.28%	7,300	10,280	0.10%	3,242	3.17
CVNM2003	MBS	9/4/2020	52	10:1	122.210	46.7%	3.0 triệu	31.46%	1,450	2,450	0.00%	2,202	1.11
CCTD2001	KIS	12/16/2020	155	10:1	94.330	0.9%	1.0 triệu	55.07%	1,540	2,010	0.00%	1,182	1.70
CVNM2002	KIS	12/16/2020	155	5:1	161.500	895.1%	3.0 triệu	31.46%	3,200	1,200	0.00%	527	2.28
CMWG2007	SSI	11/30/2020	139	1:1	17.320	-3.0%	2.0 triệu	39.80%	12,900	8,630	-1.03%	7,018	1.23
CFPT2004	SSI	8/10/2020	27	1:1	91.000	433.1%	2.0 triệu	32.28%	5,100	7,530	-1.44%	1,159	6.49
CVRE2006	HSC	10/29/2020	107	4:1	151.620	13.4%	5.0 triệu	44.20%	1,100	1,280	-2.29%	1,162	1.10
Tổng:					2,525,040		52.00 triệu	38.30%**					

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi
Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn
*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 14/7/2020, phần lớn chứng quyền đều giảm trong khi chứng khoán cơ sở có sự phân hóa về giá. Giá trị giao dịch tăng tích cực.
- Về giá, CREE2004 tăng mạnh 9.09%. Trái lại, CVRE2003 và CMWG2009 giảm mạnh lần lượt là -33.91% và -19.48%. Giá trị giao dịch tăng 16.07%. CHPG2009 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 10.27% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là HPG, TCB, VHM, và VPB, các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CHPG2005 và CHPG2007 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VHM	80.50	1.77	0.71
HPG	27.90	0.90	0.54
SSI	16.70	4.70	0.35
VNM	115.20	0.35	0.30
STB	11.55	0.87	0.24

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
TCB	20.1	-0.99	-0.60
EIB	17.0	-2.30	-0.55
SAB	195.0	-2.50	-0.46
MSN	56.0	-1.06	-0.37
GAS	72.2	-3.60	-0.34

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	82.9	0.1%	1.2	1,632	1.3	8,808	9.4	2.8	49.0%	33.6%
PNJ	Bán lẻ	59.3	0.0%	1.3	580	0.8	5,248	11.3	2.7	49.0%	26.0%
BVH	Bảo hiểm	47.6	0.1%	1.3	1,535	0.7	1,307	36.4	1.8	28.2%	5.3%
PVI	Bảo hiểm	30.0	0.7%	0.4	292	0.0	2,056	14.6	1.0	54.4%	6.8%
VIC	Bất động sản	91.3	0.0%	0.8	13,427	1.3	2,095	43.6	3.8	13.9%	10.6%
VRE	Bất động sản	26.4	-0.4%	1.1	2,608	2.2	1,226	21.5	2.2	30.8%	10.3%
NVL	Bất động sản	62.3	-1.1%	0.8	2,626	1.4	3,584	17.4	2.7	6.1%	16.3%
REE	Bất động sản	32.9	0.0%	0.8	444	0.6	4,976	6.6	1.0	49.0%	16.0%
DXG	Bất động sản	11.4	0.0%	1.3	257	0.7	2,289	5.0	0.8	40.8%	15.9%
SSI	Chứng khoán	16.7	4.7%	1.3	436	6.5	1,415	11.8	0.9	49.9%	7.8%
VCI	Chứng khoán	25.1	1.2%	1.0	179	0.8	4,240	5.9	1.0	27.6%	18.0%
HCM	Chứng khoán	19.5	1.8%	1.7	259	1.8	1,480	13.2	1.4	52.1%	12.0%
FPT	Công nghệ	48.6	-0.2%	0.8	1,655	3.3	4,804	10.1	2.2	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	48.0	-2.6%	0.4	519	0.0	4,812	10.0	2.5	0.0%	28.3%
GAS	Dầu khí	72.2	-3.6%	1.5	6,008	2.0	5,820	12.4	2.7	3.3%	23.6%
PLX	Dầu khí	46.4	0.0%	1.5	2,433	0.9	869	53.4	2.9	14.5%	5.7%
PVS	Dầu khí	12.4	0.0%	1.5	258	0.8	1,238	10.0	0.5	11.5%	4.8%
BSR	Dầu khí	7.1	0.0%	0.8	957	0.5	898	7.9	0.6	41.1%	8.5%
DHG	Dược	93.7	-0.2%	0.5	533	0.0	5,046	18.6	3.5	54.6%	20.2%
DPM	Hóa chất	14.9	1.7%	0.4	254	1.2	1,006	14.8	0.7	11.0%	5.4%
DCM	Hóa chất	9.1	1.2%	0.4	209	0.6	415	21.8	0.8	1.9%	3.7%
VCB	Ngân hàng	83.0	0.1%	1.1	13,384	1.5	4,848	17.1	3.6	23.7%	22.8%
BID	Ngân hàng	41.3	-0.1%	1.4	7,213	1.8	2,140	19.3	2.2	17.7%	12.0%
CTG	Ngân hàng	24.1	0.4%	1.2	3,893	4.2	2,510	9.6	1.1	30.0%	12.6%
VPB	Ngân hàng	22.2	-0.7%	1.2	2,353	3.3	3,750	5.9	1.2	23.4%	22.7%
MBB	Ngân hàng	17.2	-0.3%	1.0	1,798	2.6	3,398	5.0	1.0	23.0%	20.1%
ACB	Ngân hàng	24.0	0.4%	0.9	1,735	1.5	3,780	6.3	1.4	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	54.0	-0.7%	0.9	192	0.2	5,303	10.2	1.7	81.6%	17.0%
NTP	Nhựa	31.2	-1.3%	0.4	160	0.0	4,208	7.4	1.2	18.9%	17.0%
MSR	Tài nguyên	15.4	0.7%	0.4	662	0.0	356	43.3	1.2	1.9%	2.9%
HPG	Thép	27.9	0.9%	1.1	3,349	6.9	2,764	10.1	1.5	36.1%	17.4%
HSG	Thép	11.8	-0.4%	1.4	228	2.2	1,493	7.9	0.9	11.5%	11.4%
VNM	Tiêu dùng	115.2	0.3%	0.7	8,722	3.6	5,453		6.7	58.8%	32.5%
SAB	Tiêu dùng	195.0	-2.5%	0.8	5,437	1.5	6,719	29.0	7.3	63.3%	27.2%
MSN	Tiêu dùng	56.0	-1.1%	1.0	2,846	2.3	3,961	14.1	1.5	38.9%	12.7%
SBT	Tiêu dùng	14.7	1.0%	0.8	374	2.7	171	85.8	1.2	5.6%	1.5%
ACV	Vận tải	59.3	-0.3%	0.8	5,613	0.4	3,450	17.2	3.5	3.3%	22.3%
VJC	Vận tải	108.0	0.0%	1.1	2,460	1.5	7,110	15.2	3.8	18.1%	26.3%
HVN	Vận tải	26.4	0.6%	1.7	1,628	0.3	1,654	16.0	2.1	9.3%	12.9%
GMD	Vận tải	19.3	0.0%	0.9	249	0.1	1,583	12.2	1.0	49.0%	7.8%
PVT	Vận tải	10.5	1.0%	1.1	128	0.5	2,117	5.0	0.7	23.6%	14.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	63.4	0.6%	1.0	428	0.2	9,201	6.9	3.0	2.8%	45.7%
VGC	Vật liệu xây dựng	20.5	2.5%	0.7	400	0.3	1,453	14.1	1.4	10.0%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	14.0	1.1%	1.0	232	0.1	1,938	7.2	1.0	6.4%	13.8%
CTD	Xây dựng	80.2	-0.7%	1.0	266	1.8	8,032	10.0	0.7	45.9%	7.3%
VCG	Xây dựng	26.9	1.1%	0.3	517	0.1	1,498	18.0	1.7	0.4%	10.0%
CII	Xây dựng	18.3	0.6%	0.3	190	1.1	1,775	10.3	0.8	38.1%	8.5%
POW	Điện	10.1	0.0%	0.6	1,023	0.7	1,028	9.8	0.9	11.3%	9.4%
NT2	Điện	23.1	3.8%	0.5	289	0.8	2,543	9.1	1.5	18.3%	18.1%

Thông kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	80.50	1.77	1.34	1.46MLN
GVR	12.10	1.68	0.23	1.28MLN
VNM	115.20	0.35	0.20	731170.00
HPG	27.90	0.90	0.20	5.76MLN
GEX	21.75	5.58	0.16	6.28MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	Ngày 04/07/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.47	631990.00	1.11MLN
SAB	0.00	-0.91	180690.00	607060.00
MSN	0.00	-0.20	929240.00	373600.00
TCB	0.00	-0.20	1.81MLN	192700.00
LGC	-0.01	-0.20	800.00	611640.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PLP	11.50	6.98	0.01	1.02MLN
SGT	5.37	6.97	0.01	50.00
PTL	4.04	6.88	0.01	23060.00
DAT	22.55	6.87	0.02	250.00
ACL	27.30	6.85	0.01	274470.00

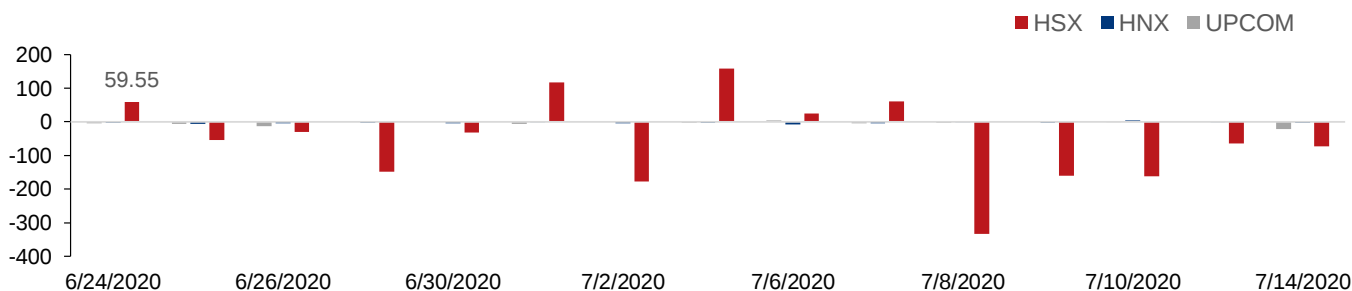
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SMA	8.78	-6.99	0.00	10630.00
DAH	10.65	-6.99	-0.01	875230.00
SVC	73.50	-6.96	-0.04	17820.00
LGC	48.20	-6.95	-0.20	800.00
VPS	8.85	-6.84	-0.01	510.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



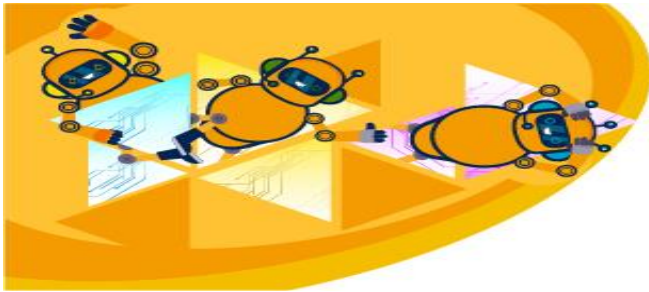
Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị Trường Quý II	Phân tích vĩ mô		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 5.2020	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 4.2020	Phân tích vĩ mô		Click
4	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020_VN_04212020	Phân tích ngành		Click
5	BSC Vietnam_Hoa Kỳ cập nhật danh sách_22042020	Phân tích vĩ mô		Click
6	BSC_Tác động sụt giảm của giá dầu_19032020	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 2.2020	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Dịch SARS-Cov_2 và các tác động_20200226	Phân tích vĩ mô		Click
9	11022020_Banking Sector Outlook_BSC Sector	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Dịch Covid-19 (Virus corona) và tác động	Phân tích vĩ mô		Click
11	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 1.2020	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Sector Outlook_2020	Phân tích ngành		Click
13	BSC_ Báo cáo tác động của Virus Corona	Phân tích vĩ mô		Click
14	20200121_BSC_Vietnam Sector Review_2019_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2020	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 11.2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 10.2019	Phân tích vĩ mô		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2019	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ Mô & Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
20	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại		P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	4/6/2020	63.9	70.8	56.0	3,961	14.1	1.5	Click
2	DGC	Hóa chất	Theo dõi	3/6/2020	38.9	43.2	39.9	4,717	8.5	1.5	Click
3	HSG	VLXD	Mua	2/6/2020	10.1	12.4	11.8	1,493	7.9	0.9	Click
4	VEA	Ô tô	Theo dõi	27/05/202	40.0	44.2	44.2	5,479	8.1	2.2	Click
5	SZC	Bất động sản	Mua	20/05/2018	18.7	22.2	20.3		17.8	1.7	Click
6	HPG	VLXD	Mua	20/05/2019	26.2	36.7	27.9	2,764	10.1	1.5	Click
7	TCB	Ngân hàng	Theo dõi	20/05/2020	21.3	25.0	20.1	2,987	6.7	1.1	Click
8	PNJ	Bán lẻ	Theo dõi	19/5/2020	62.0	64.5	59.3	5,248	11.3	2.7	Click
9	VTP	Viễn thông	Mua	19/5/2020	125.0	145.9	137.6	5,718	24.1	8.5	Click
10	DXG	Bất động sản	Theo dõi	19/5/2020	10.6	15.4	11.4	2,289	5.0	0.8	Click
11	PLC	Dầu khí	Theo dõi	15/5/2020	16.4	18.8	16.9	1,496	11.3	1.0	Click
12	HDG	Bất động sản	Theo dõi	15/5/2020	27.3	N/a	20.5	7,637	2.7	0.9	Click
13	CSV	Hóa chất	Theo dõi	13/5/2020	20.6	N/a	22.0	5,311	4.1	1.0	Click
14	DGW	Bán lẻ	Mua	13/5/2020	26.9	32.1	43.3	4,465	9.7	1.9	Click
15	VCB	Ngân hàng	Mua	8/5/2020	67.4	90.0	83.0	4,848	17.1	3.6	Click
16	ACB	Ngân hàng	Mua	7/5/2020	20.3	27.0	24.0	3,780	6.3	1.4	Click
17	VHC	Thủy sản	Theo dõi	6/5/2020	29.5	33.8	38.2	6,553	5.8	1.4	Click
18	PHR	Cao su	Mua	21/4/2020	43.7	51.9	53.0	3,887	13.6	2.7	Click
19	FPT	Công nghệ	Mua	16/4/2020	46.4	60.7	48.6	4,804	10.1	2.2	Click
20	GMD	Vận tải	Mua	18/3/2020	16.4	27.2	19.3	1,583	12.2	1.0	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

[Video hướng dẫn sử dụng](#)

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gói báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express CTD 2020Q3	7/1/2020	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 100835; Giá tại Publish 74400 Dự báo KQKD: BSC dự báo KQKD CTD 2020 với DT và LNST ước đạt lần lượt là 16,846 tỷ đồng (-29% YoY) và 611 tỷ đồng (-14% YoY), tương đương EPS fw là 7,432 đ/cp - PE fw = 10x; BVPS fw=118,629 đ/cp - PB fw= 0.63x.
Express C4G 2020Q2	6/29/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 7200 Dự báo KQKD: Kế hoạch 2020: Kế hoạch DT và LNST lần lượt 3,050 tỷ (+30% YoY) và 200 tỷ (+116% YoY), tổng sản lượng là 3,000 tỷ đồng. C4G chia cổ tức năm 2020 là 15%. Cập nhật KQKD: Lũy kế tới tháng 6, tổng dự án đang có của C4G đạt 5,200 tỷ đồng bao gồm cả ký mới trong 2020, trong đó một số dự án trọng điểm triển khai trong năm nay bao gồm: Đường Vành đai phía Tây 2 TP Đà Nẵng – Gói thầu 06OFID.EX, Cao tốc Bắc nam đoạn Cam Lộ - La Sơn – Gói thầu số 9, Hầm chui Nguyễn Bỉnh Khiêm – Gói thầu số 1 và Cải tạo nút giao thông phía tây cầu Trần Thị Lý.
Express KBC 2020Q2	6/29/2020	Dự báo KQKD: Kế hoạch năm 2020, KBC đặt ra 2 kịch bản (1) Phương án khả quan: tổng doanh thu 3,200 tỷ đồng (tương đương 2019), lợi nhuận sau thuế 816 tỷ đồng (-21% yoy) (2) Phương án tích cực: doanh thu dự kiến 3,600 tỷ đồng (+12% yoy), lợi nhuận sau thuế 1,000 tỷ đồng (-4% yoy). Nguồn vốn: tập đoàn dự kiến vay tín dụng hoặc phát hành trái phiếu khoảng 1,500 – 2,000 tỷ đồng để đầu tư các dự án cũ, mới và bổ sung nguồn vốn kinh doanh.
Express SJS 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 22000 Catalyst: Tổng Công ty Sông Đà có kế hoạch thoái toàn bộ vốn tại SJS. Công ty cho biết hiện đang triển khai rất tích cực, tuy nhiên tại ĐHCĐ không chia sẻ thêm thông tin chi tiết. Theo như chia sẻ trong lần gặp trước đây thì thời điểm dự kiến hoàn tất thoái vốn là Q2/2020.
Express HT1 2020Q2	6/12/2020	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 13450; Giá tại Publish 13700 Dự báo KQKD: BSC dự báo doanh thu thuần năm 2020 của HT1 đạt 8,387 tỷ đồng (-5.1% yoy) với giá định sản lượng xi măng tiêu thụ đạt 7 triệu tấn (-3% yoy), giá bán bình quân giảm 2% yoy. Giá định giá than giảm 7% yoy, điện (-1% yoy do chính sách hỗ trợ giá điện từ Chính phủ trong Q2/2020), giá các nguyên vật liệu khác giữ nguyên, biên LNG được dự báo giảm từ 17.7% về 16.9%. LNST đạt 692 tỷ (-6.5% yoy), tương đương với EPS = 1,632 đồng/CP (giá định trích quỹ KTPL 10%).

Room tư vấn Skype



Room tư vấn Zalo



Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công

Trí

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong

Trần Thành Hưng

Nguyễn Hoàng Dương

Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn

hungtt@bsc.com.vn

duongnh@bsc.com.vn

nguyennh@bsc.com.vn